

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số"; Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 - 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trở thành động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, hướng đến tăng trưởng kinh tế "2 con số"; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Tập trung phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đồng bộ; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, và làm chủ công nghệ trong các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Đưa Đồng Tháp trở thành địa phương có năng lực đổi mới sáng tạo thuộc nhóm khá của cả nước.

2. Chỉ tiêu cụ thể

(Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm)

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Các cơ quan, đơn vị và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp như sau (đính kèm Phụ lục II):

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Quán triệt, nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ; quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới

trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tập trung phổ biến thành tựu, kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân rộng các kết quả nghiên cứu có hiệu quả trong thực tiễn sản xuất, đời sống. Tăng cường truyền thông đa phương tiện, kết hợp kênh truyền thống (báo in, phát thanh, truyền hình) với kênh hiện đại (nền tảng số, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử, ứng dụng di động) để tiếp cận hiệu quả đến mọi tầng lớp Nhân dân.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quy tụ các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, các công ty công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm lan toả tinh thần nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; tinh thần sẵn sàng tiên phong, chủ động sáng tạo, chấp nhận rủi ro trong hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Kịp thời ban hành, cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bám sát Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và các nghị định hướng dẫn của Chính phủ. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với giải quyết các bài toán lớn của tỉnh. Thực hiện cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, chuyển mạnh sang cơ chế hậu kiểm; gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với phân bổ ngân sách và trách nhiệm giải trình.

- Xây dựng và triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) nhằm tạo hành lang pháp lý an toàn để thử nghiệm công nghệ, sản phẩm và mô hình kinh doanh mới, ưu tiên các lĩnh vực nông nghiệp tuần hoàn, công nghệ y sinh, năng lượng tái tạo và kinh tế số. Sửa đổi, bổ sung cơ chế tài chính, mua sắm công đối với sản phẩm công nghệ trong nước; ưu tiên đặt hàng công và mua sắm công các sản phẩm công nghệ do doanh nghiệp Việt Nam chủ trì thiết kế, sản xuất trong nước (Make in Viet Nam) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ; thúc đẩy phát triển và vận hành hiệu quả sàn giao dịch công nghệ, tạo môi trường thuận lợi cho kết nối, trao đổi và mua bán công nghệ. Đẩy mạnh các chính sách khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển tài sản trí tuệ, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, dịch vụ. Đẩy mạnh hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ; ưu tiên đối với các sản phẩm chủ lực, đặc thù của địa phương nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu bền

vững. Tăng cường hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ; chủ động phòng, chống hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và gian lận thương mại. Khuyến khích hình thành và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy phát triển doanh nghiệp dựa trên tri thức và công nghệ. Tăng cường kết nối cung - cầu công nghệ giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ trong sản xuất, kinh doanh.

- Kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn, bảo đảm có hiệu lực thi hành đồng bộ với các luật. Tháo gỡ rào cản, khơi thông hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trọng tâm là phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, nâng cao năng lực làm chủ công nghệ lõi và thương mại hóa; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; chuyển giao công nghệ nội sinh; tăng cường tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ.

- Rà soát, hoàn thiện và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất, truy xuất nguồn gốc, áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường nhằm chuẩn hóa năng lực hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh.

3. Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước

a) Định hướng cơ cấu chi, tiêu chí ưu tiên và nguyên tắc phân bổ

- Phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với cơ cấu chi hợp lý, cân đối giữa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo việc kiểm soát và có thể linh hoạt điều chỉnh theo yêu cầu của thực tiễn phát triển với các định hướng như sau:

- + Tập trung bố trí ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược, bảo đảm tối thiểu 15% trong tổng chi sự nghiệp khoa học.

- + Ưu tiên phân bổ ngân sách cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ phục vụ nhu cầu thực tiễn. Đồng thời bảo đảm đầu tư đúng tầm cho nghiên cứu cơ bản, phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực chất lượng cao.

- + Bố trí ngân sách hợp lý cho đổi mới, cải tiến công nghệ, các nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia, cùng tài trợ, tiếp nhận, thương mại hóa kết quả và thực hiện theo cơ chế đối ứng; đồng thời khuyến khích đổi mới quản trị và quy trình, thử nghiệm công nghệ, tăng cường đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp dùng công nghệ mới qua hình thức phiếu hỗ trợ tài chính (voucher).

- Triển khai việc đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các bài toán lớn, gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, lĩnh vực và nhu cầu thực tiễn của địa phương; ưu tiên các nhiệm vụ gắn với công nghệ chiến lược; các chương trình, dự án quy mô lớn, có sản phẩm cụ thể, địa chỉ ứng dụng và sự tham gia của doanh nghiệp, viện,

trường; giao trực tiếp đối với nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ công nghệ chiến lược; đặt hàng có doanh nghiệp cùng tài trợ đối với nhiệm vụ ứng dụng. Triển khai tài trợ cạnh tranh đối với nghiên cứu nền tảng.

b) Thực hiện mô hình “ngân sách nhà nước dẫn dắt - xã hội cùng đầu tư”:

- Ngân sách địa phương tập trung phát triển hạ tầng ứng dụng, các trung tâm đổi mới sáng tạo địa phương, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kết nối vào nền tảng quốc gia.

- Nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư thiết bị, nâng cấp công nghệ, nền tảng ứng dụng, dịch vụ dữ liệu, khai thác vận hành, các khu thử nghiệm và không gian đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện đầu tư theo sản phẩm, cùng đầu tư với doanh nghiệp, gắn với khả năng thương mại hóa. Áp dụng linh hoạt các hình thức tài trợ, cho vay, góp vốn; tăng cường giám sát, đánh giá theo kết quả và tác động thực tiễn.

- Khuyến khích hoạt động của các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhằm tăng kinh phí chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định pháp luật; tăng cường cùng đầu tư với khu vực tư nhân nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô thị trường.

- Tăng cường lồng ghép nguồn lực từ đầu tư công, chi thường xuyên, chương trình mục tiêu, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ của doanh nghiệp và nguồn hợp pháp khác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, không chồng chéo, không cấp vốn trùng lặp cho cùng một mục tiêu, tăng tỷ lệ vốn ngoài ngân sách nhà nước trong các nhiệm vụ có khả năng thương mại hóa cao; thúc đẩy các chương trình, nhiệm vụ được tài trợ, đầu tư từ các nguồn khác nhau, cùng chia sẻ rủi ro và chia sẻ lợi ích.

4. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Tập trung hoàn thiện hệ thống phòng thí nghiệm, trung tâm kiểm định – đo lường - thử nghiệm; từng bước hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng cho các lĩnh vực công nghệ có nhu cầu cấp thiết và khả năng lan tỏa lớn, trọng tâm là các lĩnh vực công nghệ chiến lược; tổ chức triển khai các chương trình, dự án gắn với từng lĩnh vực, bảo đảm đồng bộ với định hướng phát triển ngành, vùng và mục tiêu làm chủ công nghệ chiến lược. Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng nghiên cứu và hạ tầng số, gồm hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm, cơ sở thử nghiệm, kiểm định,...

- Phát triển hạ tầng số cho hoạt động khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng: Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ; hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ quản lý, chia sẻ dữ liệu nghiên cứu, kết nối

chuyên gia, tổ chức khoa học và công nghệ. Đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu và hạ tầng số của tỉnh phục vụ hoạt động thiết kế, thử nghiệm, sản xuất thử sản phẩm công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu dùng chung kết nối giữa các cơ quan nhà nước, viện, trường và doanh nghiệp. Nâng cấp đồng bộ hạ tầng tiêu chuẩn, đo lường, kiểm định chất lượng sản phẩm và sở hữu trí tuệ; hình thành mạng lưới số hóa quốc gia hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực OCOP và sản phẩm công nghiệp chế biến xuất khẩu. Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng hiện đại; phát triển hệ thống chuẩn đo lường, phòng thử nghiệm, tổ chức đánh giá sự phù hợp, hệ thống truy xuất nguồn gốc và cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đẩy mạnh chuyển đổi số, kết nối và chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất kinh doanh và hội nhập quốc tế.

- Hình thành và phát triển các không gian đổi mới sáng tạo: Xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm đổi mới sáng tạo, không gian khởi nghiệp, vườn ươm doanh nghiệp; thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn. Phát triển hạ tầng đổi mới sáng tạo gắn liền với lợi thế ngành kinh tế của tỉnh: đầu tư nâng cấp hạ tầng số cửa khẩu, chuỗi logistics nông sản vùng biên giới; khuyến khích doanh nghiệp thành lập các trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D), không gian đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp công nghệ tại các khu, cụm công nghiệp. Tập trung đầu tư phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh đóng vai trò hạt nhân liên kết vùng.

- Phát triển hạ tầng thị trường khoa học và công nghệ: Nâng cao hiệu quả hoạt động sàn giao dịch công nghệ; phát triển các tổ chức trung gian như tư vấn chuyển giao công nghệ, định giá tài sản trí tuệ, môi giới công nghệ.

- Tăng cường liên kết, khai thác hiệu quả hạ tầng hiện có, thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng: Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ và sử dụng chung cơ sở vật chất, trang thiết bị giữa các viện, trường, doanh nghiệp; hình thành mạng lưới hạ tầng khoa học, công nghệ liên thông trong và ngoài tỉnh. Đa dạng hóa nguồn vốn (ngân sách nhà nước, xã hội hóa, hợp tác công – tư); khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hạ tầng nghiên cứu, đổi mới sáng tạo.

5. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Triển khai đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước; tuyển chọn công khai, sử dụng hiệu quả tổng công trình sư, chuyên gia đầu ngành, nhân tài tham gia, chủ trì nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển. Trao quyền chủ động gắn với trách nhiệm giải trình, đãi ngộ tương xứng với kết quả đầu ra, thương mại hóa, tác động thực tiễn.

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ theo

nhóm đối tượng (quản lý nhà nước, nghiên cứu - triển khai, ứng dụng sản xuất); ưu tiên đào tạo chuyên sâu về kỹ năng quản trị công nghệ, quản trị tài sản trí tuệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Thúc đẩy dịch chuyển nhân lực trình độ cao, tri thức khoa học giữa trường đại học và khu vực doanh nghiệp tư nhân thông qua cơ chế luân chuyển, biệt phái cán bộ kỹ thuật, chuyên gia công nghệ; kết nối mạng lưới trí thức Đồng Tháp ở nước ngoài tham gia đóng góp cho tỉnh thông qua các hình thức làm việc linh hoạt.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia, kỹ thuật viên và nhân lực doanh nghiệp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; xây dựng đội ngũ chuyên gia năng suất chất lượng của tỉnh, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hội nhập và phát triển kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ.

6. Nâng cao năng lực làm chủ và phát triển các công nghệ chiến lược

- Rà soát, lựa chọn danh mục các công nghệ chiến lược, công nghệ lõi phù hợp với định hướng quốc gia và điều kiện thực tiễn của địa phương (như: công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ nông nghiệp thông minh...); xây dựng lộ trình phát triển cụ thể cho từng lĩnh vực.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các tổ chức khoa học và công nghệ; hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu làm chủ, cải tiến và nội địa hóa công nghệ tiên tiến; khuyến khích hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, trung tâm nghiên cứu chuyên sâu.

- Thúc đẩy hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trong và ngoài nước để tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ; phát triển các mô hình liên kết “viện – trường – doanh nghiệp”.

- Triển khai danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo hướng tinh gọn, bám sát nhu cầu phát triển, năng lực cạnh tranh, lợi thế ngành và khả năng hình thành chuỗi giá trị, thị trường. Tập trung theo hai nhóm: (i) Nhóm công nghệ đã có thị trường và tác động trực tiếp đến kinh tế: Doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt đầu tư; Nhà nước hỗ trợ, tạo thị trường thông qua mua sắm công và chính sách phù hợp; viện, trường tham gia nghiên cứu, phát triển và đào tạo nhân lực. (ii) Nhóm các công nghệ tạo động lực tăng trưởng mới, công nghệ nền tảng cho tương lai, công nghệ bảo đảm tự chủ trong quốc phòng, an ninh: Nhà nước chủ động đầu tư, đặt hàng và dẫn dắt; viện, trường, doanh nghiệp phối hợp triển khai.

- Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp mua thiết kế, sáng chế, phần mềm và công cụ kiểm thử để giải mã, làm chủ và cải tiến công nghệ chiến lược, công nghệ số trọng điểm phù hợp điều kiện Việt Nam. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển sản

phẩm, dịch vụ công nghệ số thông qua các nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên ngân sách, đầu tư công, các quỹ để đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, tạo thị trường ban đầu; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực sản xuất, quản trị, áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, phát triển sản phẩm “Make in Viet Nam”.

7. Tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hỗ trợ vận hành sàn giao dịch công nghệ; tăng cường tổ chức các hoạt động kết nối cung – cầu công nghệ, ngày hội đổi mới sáng tạo, hội chợ công nghệ (Techmart), diễn đàn chuyển giao công nghệ. Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ thông qua hỗ trợ hoàn thiện công nghệ, thử nghiệm, sản xuất thử, đăng ký bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ; khuyến khích thành lập doanh nghiệp spin-off từ viện, trường.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, thông qua các chương trình tư vấn, đào tạo, hỗ trợ tài chính (quỹ khoa học và công nghệ, quỹ đổi mới công nghệ), ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Phát triển doanh nghiệp làm trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo thông qua mô hình hợp tác "ba nhà" (Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp). Doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt và cùng đầu tư với Nhà nước phát triển các sản phẩm công nghệ cao, gắn chặt với kế hoạch thương mại hóa, tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu.

- Hỗ trợ phát triển thị trường giao dịch tài sản trí tuệ: hoàn thiện các công cụ hướng dẫn khai thác thương mại, định giá tài sản trí tuệ, nhất là đối với các sáng chế, quy trình công nghệ hình thành từ ngân sách nhà nước. Phát triển mạng lưới tổ chức trung gian, đội ngũ môi giới, tư vấn chuyển giao công nghệ.

- Thúc đẩy liên kết chuyển giao công nghệ giữa các viện nghiên cứu vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trường đại học với các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, chương trình, thỏa thuận hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp trong và ngoài nước; hỗ trợ các viện, trường, doanh nghiệp của tỉnh tham gia vào mạng lưới nghiên cứu khoa học và chuỗi giá trị toàn cầu. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thương hiệu sản phẩm công nghệ mang nhãn hiệu địa

phương; hỗ trợ tìm kiếm đối tác ngoại giao, ký kết xuất khẩu và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở thị trường nước ngoài.

- Đẩy mạnh mô hình hợp tác “ba nhà” trong phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt và cùng đầu tư với Nhà nước theo tỷ lệ phù hợp, tùy thuộc vào độ phức tạp của công nghệ; gắn với kế hoạch thương mại hóa, phát triển thị trường và xuất khẩu. Nhà nước hỗ trợ và ưu tiên sử dụng sản phẩm trong mua sắm công khi đáp ứng tiêu chí về sở hữu trí tuệ, nội địa hóa và tiêu chuẩn kỹ thuật. Đẩy mạnh phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, viện, trường và doanh nghiệp trong triển khai các chương trình hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, xây dựng chương trình bảo đảm đo lường, nâng cao năng suất chất lượng và mở rộng khả năng thương mại hóa các kết quả nghiên cứu, ứng dụng.

8. Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao, tiếp nhận và làm chủ công nghệ từ nước ngoài, gắn với nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp địa phương; ưu tiên các công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia thị trường quốc tế, từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển các sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ ở nước ngoài, hỗ trợ đăng ký sáng chế, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ lực; nâng cao năng lực thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh hội nhập.

- Xây dựng và triển khai đề án hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Chuyển mạnh sang mô hình hợp tác chiến lược, cùng phát triển công nghệ nguồn với các quốc gia, tập đoàn quốc tế lớn có thế mạnh trong các lĩnh vực công nghệ sinh học nông nghiệp, chế biến thực phẩm sâu, công nghệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Triển khai các dự án, chương trình liên quan đến các công nghệ chiến lược theo mô hình hợp tác “ba nhà”, huy động các chuyên gia, các nhà khoa học, tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng trong nước, quốc tế tham gia trong quá trình nghiên cứu, phát triển. Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm và tiếp nhận công nghệ tiên tiến từ các tổ chức trong nước và quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tham gia các chương trình đào tạo, kết nối và công nhận quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, góp phần nâng cao năng lực hội nhập và mở rộng thị trường xuất khẩu.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch hằng năm (hoặc lồng ghép) để cụ thể hóa triển khai thực hiện bảo đảm hoàn thành hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch.

- Cập nhật cơ chế chính sách, định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi có sự thay đổi, kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp. **Chậm nhất 31/12 hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất**, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cân đối, bố trí chi ngân sách nhà nước hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với cơ cấu hợp lý và có thể linh hoạt điều chỉnh theo yêu cầu của thực tiễn.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện hoặc lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào chương trình, kế hoạch công tác của ngành, lĩnh vực hằng năm. Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện **chậm nhất ngày 05/12 hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất**, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp chung, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đẩy mạnh việc triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các hoạt động kiểm tra, thông tin phổ biến pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn. Hằng năm, bố trí, thực hiện chỉ cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

- Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện chậm nhất ngày 05/12 hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp chung, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để phối hợp xử lý; trường hợp vượt thẩm quyền Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và PTTH Đồng Tháp;
- Đoàn TNCSHCM tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KGVX (KD).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế	%	> 55	> 55	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương
2	Kinh phí chi cho nghiên cứu và phát triển (R&D)	% GRDP	> 1,5	2	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương
3	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu và phát triển	%	60	>60	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương
4	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	%	2	≥ 2 và tăng dần	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, địa phương
5	Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian)	Người/ vạn dân	≥ 11	12	Sở Khoa học và Công nghệ	Viện, Trường; Sở ban, ngành, địa phương; Tổ chức khoa học, công nghệ; Doanh nghiệp
6	Số tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực, vùng	Tổ chức	1	1 - 2	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương; Tổ chức khoa học, công nghệ
7	Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng bình quân	%/năm	10	10	Sở Khoa học và Công nghệ	Các viện, trường trên địa bàn; tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ
8	Số lượng đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân	%/năm	18	18	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương; doanh nghiệp; trường Đại học, cao đẳng
9	Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại trên tổng số văn bằng bảo hộ được cấp	%	8	8 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương; doanh nghiệp; trường Đại học, cao đẳng
10	Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa	Thứ bậc	≤ 18	≤ 15	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	phương (PII)				Công nghệ	
11	Số lượng vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo	Vườn ươm, trung tâm	≥ 5	≥ 7	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương; trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh
12	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Doanh nghiệp	54	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp
13	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	100	≥ 150	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp
14	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp	%	40	> 40	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp
15	Số doanh nghiệp công nghệ quy mô khu vực trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược	Doanh nghiệp	01	01	Sở Khoa học và Công nghệ	Các viện, trường, hiệp hội doanh nghiệp
16	Số tổ chức khoa học công nghệ công lập trực thuộc tỉnh	Tổ chức	≥ 6	≥ 6	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Sở, Ngành, cấp xã
17	Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu hằng năm	Nhiệm vụ	≥ 40	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ
18	Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	%	≥ 60	≥ 60	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổ chức chủ trì, tổ chức ứng dụng
19	Số lượng bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI) hằng năm	Bài báo	≥ 150	≥ 150	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổ chức chủ trì, các Viện, Trường trên địa bàn tỉnh
20	Số lượng công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực hằng năm	Công trình đạt giải thưởng	≥ 2	≥ 3	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổ chức chủ trì, các Viện, Trường trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
I	TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO				
1	Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành, địa phương	-	Báo cáo việc triển khai lồng ghép vào báo cáo hằng năm	Thường xuyên
2	Tổ chức các hội nghị, hội thảo, các sự kiện khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quy tụ các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, các công ty công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm lan toả tinh thần nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các viện, trường, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan	Báo cáo việc triển khai	Hằng năm
3	Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW, chủ trương phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng	Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp	Cơ quan, đơn vị liên quan	Các chương trình, chuyên mục, phóng sự, tin bài	Thường xuyên
4	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, phổ biến chính sách, pháp luật và các chương trình hỗ trợ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; đa dạng hóa hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số, mạng xã hội,... nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, doanh nghiệp và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	- Tổ chức ít nhất 02 lượt hội nghị, hội thảo và hằng năm. - Ban hành Kế hoạch tuyên truyền hằng năm về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.	Hằng năm

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
	tạo trong nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.				
II	HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO				
5	Tập trung rà soát, hoàn thiện đồng bộ thể chế, pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Các sở, cơ quan: Tư pháp, Công an, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành, có hiệu lực thi hành đồng bộ với hiệu lực thi hành của các Luật đã được Quốc hội thông qua	Thời hạn trình theo văn bản giao nhiệm vụ, các chỉ đạo của Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ; thời hạn ban hành, có hiệu lực đồng bộ với Luật
6	Rà soát, hoàn thiện và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất, truy xuất nguồn gốc, triển khai Bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường; nghiên cứu, đề xuất các chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng chất lượng phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị có liên quan	- Ban hành ít nhất 01 Nghị quyết hỗ trợ chương trình năng suất, chất lượng. - Đề án/Chương trình/Kế hoạch triển khai Bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường; hạ tầng chất lượng tỉnh Đồng Tháp	Giai đoạn 2026 - 2030
7	Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn bản	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
8	Nghiên cứu triển khai chính sách đãi ngộ đặc thù, thu hút các chuyên gia đầu ngành theo quy định (bao gồm chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài) để dẫn dắt các dự án công nghệ chiến lược (AI, Robot, Y sinh, bán dẫn, lượng tử,...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Báo cáo hàng tháng	Thường xuyên
9	Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp năm 2027	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Kế hoạch	Tháng 12/2026
III	HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC VÀ CƠ CẤU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
10	Bổ trí ít nhất 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và tăng dần theo yêu cầu phát triển.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành, địa phương	Quyết định phân bổ vốn	Đến năm 2028 và các năm tiếp theo
11	Đặt hàng, triển khai các bài toán lớn đáp ứng nhu cầu thực tiễn của địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Danh mục đặt hàng	Hằng năm
IV	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO				
12	- Triển khai các dự án đầu tư công: + Dự án Hạ tầng khu thực nghiệm công nghệ Sinh học. + Dự án: Đầu tư nâng cao tiềm lực cho Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan		Giai đoạn 2026 - 2030
13	Đầu tư, nâng cấp hệ thống chuẩn đo lường, trang thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đo lường dùng chung, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa và các nền tảng số phục vụ quản lý nhà nước; nâng cao năng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan	- Hệ thống cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. - Hệ thống truy xuất nguồn gốc tỉnh Đồng Tháp.	Giai đoạn 2026 -2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
	lực các tổ chức đánh giá sự phù hợp, phòng thử nghiệm và đơn vị cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.			- Báo cáo kết quả triển khai đầu tư, nâng cao năng lực đối với ít nhất 01 tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ Khoa học Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ)	
14	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Các sở, ban, ngành	-	Hoàn thành các nền tảng số đảm bảo kết nối liên thông	Theo thời gian các bộ, ngành đã đăng ký trong triển khai xây dựng nền tảng số quốc gia
V	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO				
15	Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ, Hội Nông dân, Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Tiền	Báo cáo sau tập huấn	Hàng năm

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
			Giang, Trường Đại học Đồng Tháp, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh,...		
16	Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo về sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Cục sở hữu trí tuệ, UBND xã/phường; Sở, ngành tỉnh, viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng; doanh nghiệp, HTX,...	Báo cáo sau tập huấn	Hàng năm
17	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, năng suất và đổi mới sáng tạo cho cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ kỹ thuật và doanh nghiệp; phát triển đội ngũ chuyên gia năng suất chất lượng, chuyên gia đo lường và nhân lực phục vụ chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức đào tạo, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan	- Tổ chức ít nhất 02 lớp đào tạo, tập huấn về quản lý hoạt động đo lường cho cán bộ cấp xã, truy xuất nguồn gốc cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. - Đào tạo tối thiểu 20 chuyên gia năng suất, chất lượng tại các sở, ngành và doanh nghiệp	Giai đoạn 2026 - 2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
18	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo thực hiện	Thường xuyên
19	Xây dựng Kế hoạch Không gian Khoa học & STEM Nông nghiệp tại Trung tâm Sinh hoạt Thanh thiếu nhi Đồng Tháp (đầu tư từ năm 2026; hoàn thành năm 2027)	Tỉnh đoàn	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch của UBND tỉnh	Trước 15/9/2026
20	Bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; củng cố mô hình vận hành và điều kiện bảo đảm hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp, đáp ứng yêu cầu phục vụ liên tục, thông suốt, không gián đoạn trong môi trường số.	Các sở, ban, ngành, địa phương		Báo cáo hằng tháng	Thường xuyên
VI	NÂNG CAO NĂNG LỰC LÀM CHỦ VÀ PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC				
21	Triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển công nghệ chiến lược của tỉnh đến năm 2030; Danh mục công nghệ ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026–2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Báo cáo	Giai đoạn 2026 - 2030
VII	TĂNG CƯỜNG LIÊN KẾT GIỮA KHU VỰC NHÀ NƯỚC VÀ KHU VỰC TƯ NHÂN, THÚC ĐẨY THƯỜNG MẠI HÓA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO				
22	Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch hợp tác với các Bộ, viện nghiên cứu và trường đại học; theo hướng khai thác các thế mạnh của đơn vị phối hợp trong giải quyết nhu cầu thực tế của tỉnh về	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Tài	Báo cáo	Thường xuyên

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
	đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh duy trì các mối hợp tác hiện có cũng như ký kết những chương trình, kế hoạch hợp tác mới.		chính, Nội vụ và các đơn vị ký kết hợp tác		
23	Đẩy mạnh phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong triển khai các chương trình hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chương trình bảo đảm đo lường, nâng cao năng suất chất lượng, phát triển hệ thống truy xuất nguồn gốc	Sở Khoa học và Công nghệ	Tổ chức khoa học công nghệ, viện, trường, cơ sở đào tạo và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo về công tác phối hợp, triển khai thực hiện	Giai đoạn 2026 - 2030
VIII	HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO				
24	Xây dựng Đề án hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và công nghệ	Đơn vị tư vấn đủ tiềm lực trong danh sách do Bộ Ngoại giao ban hành	Đề án	Tháng 12/2026
25	Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, tiếp nhận công nghệ tiên tiến và mô hình quản lý hiện đại từ các tổ chức trong nước và quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn quốc tế, tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo, công nhận và thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; nâng cao năng lực hội nhập quốc tế và mở rộng thị trường xuất khẩu cho sản phẩm của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Báo cáo về công tác hợp tác quốc tế	Giai đoạn 2026 - 2030

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian thực hiện
26	Tổ chức học tập kinh nghiệm các tỉnh, thành phố có các mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với thực tế của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Kế hoạch	Thường xuyên